SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỨC GIANG

Số: 639 /QĐ-BVĐKĐG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu số 13 Mua bổ sung vật tư can thiệp mạch
Dự toán mua sắm: Vật tư tiêu hao hóa chất năm 2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỨC GIANG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/09/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT- BTC ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2656/QĐ-SYT ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Sở Y tế Hà Nội về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 cho các đơn vị thuộc Sở Y tế Hà Nội;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì trang thiết bị y tế, công cụ dụng cụ công nghệ thông tin và vật tư y tế ngày 30 tháng 9 năm 2026;

Căn cứ báo giá của các nhà cung cấp;

Căn cứ Quyết định số 635 /QĐ-BVĐKĐG ngày 30 / 9 /2026 của Bệnh viện Đa khoa Đức Giang về việc phê duyệt dự toán Gói thầu số 13 Mua bổ sung vật tư can thiệp mạch;

Theo đề nghị của Hội đồng mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì trang thiết bị y tế, công cụ dụng cụ công nghệ thông tin và vật tư y tế tại Tờ trình ngày 01 /10 /2026 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 13 Mua bổ sung vật tư can thiệp mạch;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 13 Mua bổ sung vật tư can thiệp mạch, với những nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2: Phòng Vật tư thiết bị y tế, Phòng Tài chính kế toán, Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 2 (để thực hiện),
- Lưu: TCKT, VTTB(Dung)

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỨC GIANG

Đỗ Đình Tùng

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói thầu số 13 Mua bổ sung vật tư can thiệp mạch

Dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư tiêu hao, hóa chất năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 639/QĐ-BVĐKĐG ngày 01 / 10 /2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Đức Giang)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Bệnh viện Đa khoa Đức Giang	Gói thầu số 13 Mua bổ sung vật tư can thiệp mạch	Mua vật tư can thiệp mạch	**1.317.242.000 đồng**	Nguồn thu tại đơn vị	Chào giá trực tuyến rút gọn		60 ngày	Quý IV. 2026	Theo đơn giá cố định	365 ngày	Không	Không
Tổng giá gói thầu: 1.317.242.000 đồng *(Bằng chữ : Một tỷ, ba trăm mười bảy triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng chẵn) (Giá đã bao gồm các loại thuế, phí)*				**1.317.242.000 đồng**									

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHI TIẾT GÓI THẦU
GÓI THẦU SỐ 13 MUA BỔ SUNG VẬT TƯ CAN THIỆP MẠCH
(Kèm theo Quyết định số 639/QĐ-BVĐKĐG ngày 01 tháng 10 năm 2026)

STT	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước SX	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Catheter chụp chẩn đoán	Cái	RF*ZM74110M; RF*ZW34110M; RF*WA24110M; RF*WH14110M; RF*XB55110M; RF*XW35110M; RF*YA15110M ;RF*ZB44108M; RF*ZB54108M; RF*ZM74115JM; RF*XB4510GM; RF*XB45108M; RF*XB55108M; RF*YG15110M; RF*XG95110M; RF*XG95107M;	RADIFOCUS™ Glidecath™ Hydrophilic Coated Angiographic Catheter	Ashitaka Factory of Terumo Corporation	Nhật Bản	Catheter chụp chẩn đoán + Cấu trúc 3 lớp, có lớp giữa là lớp bện thép không gỉ. + Đoạn xa có phủ ái nước. + Đầu Tip: có các kiểu: Cobra, Yashiro, Simmons, Vertebral, Straight, Multipurpose, MANI. + Đường kính: có cỡ 4Fr và 5Fr. + Chiều dài: Có 5 cỡ dài trong khoảng từ 65cm đến 150cm.	10	945,000	9,450,000
2	Vi ống thông hỗ trợ can thiệp động mạch chi dưới cho tổn thương tắc mãn tính	Cái	SC-014-xxx; SC-018-xxx; SC-035-xxx	TrailBlazer Support Catheter	Medtronic Inc.	Mỹ	Chất liệu: + Lớp ngoài bằng Polyamide 12, Grilamid L25 + Lớp bên trong làm bằng Polyethylene - Có phủ lớp ái nước. - Hình dạng đầu tip thẳng (theo hình ảnh thể hiện trên Catalogue), có 3 điểm đánh dấu cản quang. - Chiều dài: 650mm (65cm), 900mm (90cm), 1350mm (135cm), 1500mm (150cm). - Đường kính trong gồm 2 loại: 4Fr và 5Fr. - Tương thích với dây dẫn các cỡ: 0.035", 0.018", 0.014".	10	4,400,000	44,000,000

STT	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước SX	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
3	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch máu ngoại biên, hỗ trợ đẩy và đo tổn thương	Cái	SK13514; SK15014; SK9018; SK13518; SK15018; SK6535M; SK9035M; SK13535M; SK15035M	SEEKER® Crossing Support Catheter	Bard Peripheral Vascular, INC	Mỹ	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch máu ngoại biên, tối thiểu tương thích dây dẫn 0.014", 0.018" và 0.035". - Chiều dài catheter: gồm các loại 65, 90, 135, 150 (cm) - Sử dụng tương thích dụng cụ mở đường (sheath): 4F, 5F Thân ống thông có chia khoảng cách 1cm	10	5,400,000	54,000,000
4	Vi ống thông can thiệp tổn thương phức tạp và tắc mãn tính	Cái	WS*NS350G3HM WS*NA350G3HM WS*NS35093HM WS*NA35093HM WS*NS350N3HM WS*NA350N3HM WS*NS35153HM WS*NA35153HM	Navicross™ Support Catheter	Ashitaka Factory of Terumo Corporation	Nhật Bản	Ống thông: chất liệu thép không gỉ; Đường kính ngoài: 0.035". Số marker cản quang: 3 điểm; Chiều dài: có các cỡ dài: 65cm, 90cm, 135cm, 150cm.F9 - Đầu Tip: có kiểu đầu thẳng và đầu cong 30 độ. Đường kính 4F.	5	4,000,000	20,000,000
5	Micro Catheter trợ giúp dây dẫn đường cho bóng và stent 1.8Fr	Cái	NC-F863A, NC-F865A	FINECROSS™ MG Coronary Micro-Guide Catheter	Ashitaka Factory of Terumo Corporation	Nhật Bản	Micro catheter trợ giúp dây dẫn đường cho bóng và stent Có marker bằng vàng, bên ngoài phủ ái nước, lòng ống phủ PTFE. Đường kính ngoài đầu xa 1.8F, đầu gần 2.6F. Đường kính trong đầu xa 0.018", đầu gần 0.021" - Sản phẩm có chứng nhận CE và được MHLW/PMDA (Nhật Bản) cấp phép hoặc chấp thuận lưu hành theo quy định.	5	9.600.000	57,500,000
6	Dây dẫn hỗ trợ can thiệp mạch ngoại biên đường kính 0.014"	Cái	H74939216718210; H74939216718220; H74939216730010; H74939216730020; H74939216918210; H74939216918220; H74939216930010; H74939216930020	V-14™ Control Wire™ GuideWire with ICE™ Hydrophilic Coating	Boston Scientific Corporation	Costa Rica	Chất liệu: lõi: Scitanium - Hình dạng đầu tip: Thẳng và cong - Chiều dài đầu tip: 2 cm - Đường kính 0,014" - Chiều dài từ 182 cm; 300 cm .Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 và có chứng nhận CE.	5	2,920,000	14,600,000

STT	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước SX	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
7	Dây dẫn hỗ trợ can thiệp mạch ngoại biên đường kính 0.018"	Cái	M001468480; M001468500; M001468520; M001468540; M001468560; M001468580; M001468600	V-18™ Control Wire™ GuideWire with ICE™ Hydrophilic Coating	Boston Scientific Corporation	Costa Rica	Chất liệu: lõi: Scitanium - Hình dạng đầu tip: Thẳng và cong (có thể tạo hình linh hoạt) - Chiều dài đầu tip: 2 cm - Đường kính 0,018" - Chiều dài 110cm, 150cm, 200cm, 300cm .Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 và có chứng nhận CE.	5	2,890,000	14,450,000
8	Vi dây dẫn đường cho bóng và stent loại đặc biệt trong can thiệp tổn thương tắc mãn tính động mạch chi dưới	Cái	PAGH18M371	Astato 30	Công ty TNHH Asahi Intecc Hà Nội	Việt Nam	Lớp phủ: hydrophilic - Chiều dài 300cm - Khả năng tải đầu tip: 30gf - Đường kính 0.018 inch	10	5,650,000	56,500,000
9	Vi dây dẫn can thiệp mạch ngoại vi	Cái	PPW18R100S, PPW18R300S, PP18R004P, PP18R304P	ASAHI Gladius, ASAHI Gladius MG 18 PV ES	Asahi Intecc (Thailand) Co., Ltd	Thái Lan	Khả năng tải đầu tip T: 3.0gf, 4.0 gf - Lõi thép không gỉ - Chiều dài 190cm, 200cm, 300cm - Chiều dài lò xo 4.5 cm- 5 cm phần đầu xa - Đường kính: 0,018". Quy cách đóng gói: 1 Cái/gói Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485. Sản phẩm được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.	10	5,650,000	56,500,000

STT	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước SX	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
10	Bóng nong mạch máu ngoại biên tương thích dây dẫn 0.018"	Cái	366098, 366099, 366100, 366101, 366102, 366103, 366104, 366105, 366106, 366107, 366108, 366109, 366110, 366111, 366112, 366113, 366114, 366115, 366116, 366117, 366118, 366119, 366120, 366121, 366122, 366123, 366124, 366125, 366126, 366127, 366128, 366129, 366130, 366131, 366132, 366133, 366134, 366135, 366136, 366137, 357451, 357452, 357453, 357454, 357455, 357456, 357457, 357458, 357459, 357460, 357461, 357462, 357463, 357464, 357465, 357466, 357467, 357468, 357469, 357470, 357471, 357472, 357473, 357474, 357475, 357476, 357477, 357478, 357479, 357480, 357481, 357482, 357483, 357484, 357485, 357486, 357487, 357488, 357489, 357490, 357491, 357492, 357493, 357494, 357495, 357496, 357497, 357498, 357499, 357500, 357501, 357502, 357503, 357504, 357505, 357506, 357507, 357508, 357509, 357510, 357511, 357512, 357513, 357514, 376272, 376273, 376274, 376275, 376276, 376277, 376278, 376279, 376280, 376281, 376282, 376283, 376292, 376293, 376294, 376295, 376296, 376297, 376298, 376299, 376300, 376301, 376302, 376303	Bóng nong can thiệp mạch máu Passeo-18	Biotronik AG	Thụy Sĩ	Bóng nong mạch ngoại biên vật liệu Semi Crystalline Polymer với công nghệ phủ đan xen kị nước, có 5 nếp gấp - Tương thích dây dẫn 0.018", hệ thống 4F, 5F - Đường kính bóng (mm): 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0, 5.0, 6.0, 7.0 - Chiều dài bóng: (mm) 20, 40, 60, 80, 120, 150, 170, 200 Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485. Sản phẩm có chứng nhận CE và được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.	8	8,060,000	64,480,000

STT	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước SX	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
11	Bóng nong mạch máu ngoại biên tương thích dây dẫn 0.035", hệ thống 5F,6F,7F	Cái	428777, 428778, 428779, 428780, 428781, 428782, 428783, 428784, 428786, 428787, 428788, 428789, 428790, 428791, 428792, 428793, 428794, 428795, 428796, 428797, 428798, 428799, 428800, 428801, 428802, 428803, 428804, 428805, 428806, 428807, 428808, 428809, 428810, 428811, 428812, 428814, 428815, 428816, 428817, 428818, 428819, 428820, 428821, 428823, 428824, 428825, 428833, 428834, 428843, 428844, 428848, 428849, 428851, 428852, 428853, 428854, 428855, 428856, 428857, 428858, 428860, 428861, 428862, 427863, 428864, 428865, 428866, 428867, 428868, 42869, 428870, 428871, 428872, 428873, 428874, 428875, 428876, 428877, 428878, 428879, 428880, 428881, 428882, 428883, 428884, 428885, 428886, 428887, 428888, 428889, 428890, 428891, 428892, 428893, 428894, 428895, 428896, 428897, 428898, 428899, 428900, 428901, 428902, 428903, 428904, 428905, 428906, 428907, 428908, 428909, 428910, 428911, 428912, 428913, 428914, 428915, 428916, 428917, 428918, 428919, 428920, 428921, 428922, 428923, 428924, 428927, 428928, 428929, 428930, 428935, 428936, 428937, 428938, 428939, 428940, 428941, 428944, 428945, 428946, 428947, 428948, 428949, 428950, 428953, 428954, 428955, 428956, 428957, 428958, 428959,	Bóng nong can thiệp mạch máu Passeo-35 XEO	Biotronik AG	Thụy Sĩ	Bóng nong mạch ngoại biên vật liệu Semi Crystalline Polymer, 3 - 5 nếp gấp với công nghệ phủ đan xen kị nước- Tương thích dây dẫn 0.035", hệ thống 5F, 6F, 7F- Đường kính bóng (mm): 3.0, 4.0, 5.0, 6.0, 7.0, 8.0, 9.0, 10.0, 12.0- Chiều dài bóng (mm): 20, 40, 60, 80, 100, 120, 150, 170, 200, 250- Áp lực bình thường 9 atm (riêng với đường kính 10 và 12 mm thì áp lực thường là 8 atm). Áp lực vỡ bóng lớn nhất là 20 atm và áp lực vỡ bóng thấp nhất là 11 atm tùy theo kích thước và chiều dài bóng.Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485. Sản phẩm có chứng nhận CE và được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.	7	8,060,000	56,420,000

STT	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước SX	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			428971, 428972, 428973, 428980, 428981, 428982, 428990, 428991, 428992, 428995, 428996, 428997							

STT	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước SX	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
12	Bóng nong mạch máu ngoại biên tương thích dây dẫn 0.035"	Cái	AB35W03020080; AB35W03030080; AB35W03040080; AB35W03060080; AB35W03080080; AB35W03100080; AB35W03120080; AB35W03150080; AB35W03200080; AB35W04020080; AB35W04030080; AB35W04040080; AB35W04060080; AB35W04080080; AB35W04100080; AB35W04120080; AB35W04150080; AB35W04200080; AB35W05020080; AB35W05030080; AB35W05040080; AB35W05060080; AB35W05080080; AB35W05100080; AB35W05120080; AB35W05150080; AB35W05200080; AB35W06020080; AB35W06030080; AB35W06040080; AB35W06060080; AB35W06080080; AB35W06100080; AB35W06120080; AB35W06150080; AB35W06200080; AB35W07020080; AB35W07030080; AB35W07040080; AB35W07060080; AB35W07080080; AB35W07100080; AB35W07120080; AB35W07150080; AB35W07200080; AB35W08020080; AB35W08030080; AB35W08040080; AB35W08060080; AB35W08080080;	EverCross PTA Catheter	Medtronic Inc.	Mỹ	Bóng nong mạch ngoại biên thiết kế ống thông lõi kép - Tương thích dây dẫn 0.035" - Đường kính bóng: 3mm, 4mm, 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm, 12mm. - Chiều dài bóng: 20mm, 30mm, 40mm, 60mm, 80mm, 100mm, 120mm, 150mm, 200mm. Sản phẩm có chứng nhận CE và được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.	15	7,000,000	105,000,000

STT	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước SX	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			AB35W09020080; AB35W09030080; AB35W09040080; AB35W09060080; AB35W09080080; AB35W10020080; AB35W10030080; AB35W10040080; AB35W10060080; AB35W12020080; AB35W12040080; AB35W12060080; AB35W03020135; AB35W03030135; AB35W03040135; AB35W03060135; AB35W03080135; AB35W03100135; AB35W03120135; AB35W03150135; AB35W03200135; AB35W04020135; AB35W04030135; AB35W04040135; AB35W04060135; AB35W04080135; AB35W04100135; AB35W04120135; AB35W04150135; AB35W04200135; AB35W05020135; AB35W05030135; AB35W05040135; AB35W05060135; AB35W05080135; AB35W05100135; AB35W05120135; AB35W05150135; AB35W05200135; AB35W06020135; AB35W06030135; AB35W06040135; AB35W06060135; AB35W06080135; AB35W06100135; AB35W06120135; AB35W06150135; AB35W06200135; AB35W07020135; AB35W07030135;						

STT	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước SX	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			AB35W07040135; AB35W07060135; AB35W07080135; AB35W07100135; AB35W07120135; AB35W07150135; AB35W07200135; AB35W08020135; AB35W08030135; AB35W08040135; AB35W08060135; AB35W08080135; AB35W09020135; AB35W09030135; AB35W09040135; AB35W09060135; AB35W09080135; AB35W10020135; AB35W10030135; AB35W10040135; AB35W10060135; AB35W12020135; AB35W12040135; AB35W12060135; AB35W05020040; AB35W05030040; AB35W05040040; AB35W05060040; AB35W05080040; ...							

STT	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước SX	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
13	Bóng nong mạch ngoại biên phủ thuốc kích thước nhỏ	Cái	9020515200040; 9020515200080; 9020515200100; 9020515200120; 9020515200150; 9020515250040; 9020515250080; 9020515250100; 9020515250120; 9020515250150; 9020515300040; 9020515300080; 9020515300100; 9020515300120; 9020515300150; 9020515350040; 9020515350080; 9020515350100; 9020515350120; 9020515350150; 9020515400040; 9020515400080; 9020515400100; 9020515400120; 902051540015090904755000040; 9090475500060; 9090475500080; 9090475600040; 9090475600060; 9090475600080; 9090475700040; 9090475700060; 9090475800040; 9090475800060; 9090475900040; 9090475900060; 9090475100040; 9090475100060; 9090475120040; 9090410400040; 9090410400060; 9090410400080; 9090410400100; 9090410400120; 9090410400150; 9090410500040; 9090410500060; 9090410500080; 9090410500100; 9090410500120;	LUTONIX 035 Drug Coated Balloon PTA Catheter;LUTONIX 014 Drug Coated Balloon PTA Catheter	C.R. Bard, Inc	Mỹ	Bóng nong mạch ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel, hàm lượng 2µg/mm2Chất liệu làm từ Nylon và Polyether Block Amide, tương thích với với guidewire 0.014" và 0.035"- Áp lực định danh 6atm, áp lực tối đa 15atm.Kích thước:- Đường kính: Đường kính loại tối thiểu 2mm, đường kính loại tối đa 12mm- Chiều dài bóng ngắn nhất 40mm, bóng dài nhất 150mm; - Chiều dài catheter: gồm các kích thước 75cm; 100cm; 130cm; 150cm	10	24,000,000	240,000,000

STT	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước SX	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			9090410500150; 9090410600040; 9090410600060; 9090410600080; 9090410600100; 9090410600120; 9090410600150; 9090413400040; 9090413400060; 9090413400080; 9090413400100; 9090413400120; 9090413400150; 9090413500040; 9090413500060; 9090413500080; 9090413500100; 9090413500120; 9090413500150; 9090413600040; 9090413600060; 9090413600080; 9090413600100; 9090413600120; 9090413600150							

STT	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước SX	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
14	Ống thông dẫn đường (guiding catheter) các loại, các cỡ	Cái	LAxxxx; LAxxxxx; LAxxxxxx; LAxxxxxxx; LAxxxxxxxx; LAxxxxxxxxx; LAxxxxxxxxxx	Launcher Guide Catheter	Medtronic Mexico S. de R.L. de CV	Mexico	Catheter trợ giúp can thiệp động mạch vành và mạch thận, có lớn hơn hoặc bằng 230 loại đầu cong - Có tối thiểu các loại đầu cong: EBU, JL JR, AL, SAL, MB, RDC . - Chiều dài từ 45cm đến tối đa 110cm - Đường kính từ 5F-8F Sản phẩm có chứng nhận CE và được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.	135	1,980,000	267,300,000
15	Kim đốt sóng cao tần, đầu đốt sóng cao tần, ống thông đốt sóng cao tần các loại, các cỡ	Cái	CFx-x-xx; CFx-x-xxx	ClosureFast Endovenous Radiofrequency Ablation (RFA) Catheter	Covidien	Mexico	Ống thông tĩnh mạch sử dụng sóng cao tần - Đường kính đầu đốt: 2.0mm, 2.3mm. - Chiều dài đầu đốt: 3cm, 7cm, 8cm. - Chiều dài ống thông: 60cm, 100cm. - Sử dụng công nghệ đốt theo đoạn bằng sóng cao tần - Tương thích với dụng cụ mở đường có đường kính trong 6F, 7F. - Tương thích với dây dẫn 0.025"	10	13,000,000	130,000,000
16	Ống dẫn lưu qua da	Cái	HSGPLxxxx	HS General Purpose	HS Hospital Service S.p.A	Ý	Ống dẫn lưu qua da có khóa, kích thước: có ít nhất 03 cỡ trong khoảng từ 6Fr đến 14Fr, độ dài trong khoảng 15cm đến 40cm. - Đầu tip cong hình đuôi lợn khi được đặt trong cơ thể bệnh nhân. - Điểm đánh dấu cản quang được gắn trên thân ống.	50	1,575,000	78,750,000

STT	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước SX	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
17	Keo dán sinh học dùng cho nút mạch tạng	Cái	1050044	Histoacryl	B. Braun	Tây Ban Nha	Keo dán sinh học dùng cho nút mạch tạng. Vô khuẩn, dùng một lần.	200	288,960	57,792,000
(Bằng chữ : Một tỷ, ba trăm mười bảy triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng chẵn). (Đã bao gồm thuế, phí, lệ phí nếu có)										**1.317.242.000**